

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

Số: **521** /TCHQ-TXNK

V/v thực hiện Nghị định
số 15/2022/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2022

Kính gửi: Các Cục Hải quan tỉnh, thành phố.

Ngày 28/01/2022, Tổng cục Hải quan đã ban hành công văn số 370/TCHQ-TXNK về việc thực hiện Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/1/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/1/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

Để đảm bảo thực hiện đúng nội dung Nghị quyết số 43/2022/QH15, Nghị định số 15/2022/NĐ-CP thống nhất trong toàn ngành, Tổng cục Hải quan có ý kiến như sau:

1. Việc khai thuế giá trị gia tăng (GTGT) đối với hàng hóa nhập khẩu căn cứ vào thực tế hàng hóa nhập khẩu, đối chiếu với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT và mức thuế suất thuế GTGT theo quy định của Luật Thuế GTGT và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật thuế GTGT.

2. Chính sách giảm thuế GTGT đối với hàng hóa nhập khẩu thực hiện theo phạm vi hàng hóa quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 và Nghị định số 15/2022/NĐ-CP.

Đối với việc khai thuế GTGT hàng hóa nhập khẩu được giảm thuế GTGT, yêu cầu thực hiện theo đúng các quy định nêu tại điểm 1 và điểm 2 dẫn trên.

3. Danh mục hàng hóa, dịch vụ không được giảm thuế giá trị gia tăng nêu tại Phụ lục I và Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP là các ngành sản phẩm thuộc phạm vi loại trừ tại Nghị quyết số 43/2022/QH15.

4. Hàng hóa nhập khẩu thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ không được giảm thuế GTGT, đáp ứng tiêu chí nêu tại cột 8 "Tên sản phẩm", cột 9 "Nội dung" của Phụ lục I và phần A Phụ lục III, cột 3 "Hàng hóa" của Phần B Phụ lục III, hàng hóa nhập khẩu chịu thuế tiêu thụ đặc biệt thuộc Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP thì áp dụng thuế GTGT 10%.

Trường hợp hàng hóa nhập khẩu không được nêu tại Danh mục hàng hóa, dịch vụ không được giảm thuế GTGT (Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP), thì áp dụng thuế GTGT 8%.

5. Trường hợp hàng hóa tại Phụ lục I và Phụ lục III xác định mã số HS là:

a) Chương (02 chữ số), không chi tiết nhóm (04 chữ số), phân nhóm (06 chữ số) hoặc mã số (08 chữ số) thì toàn bộ mã hàng 08 chữ số thuộc chương đó áp dụng thuế GTGT 10%;

b) Chương (02 chữ số), có chi tiết đến nhóm (04 chữ số), không chi tiết phân nhóm (06 chữ số) hoặc mã số (08 chữ số) thì toàn bộ mã hàng 08 chữ số thuộc nhóm đó áp dụng thuế GTGT 10%;

c) Chương (02 chữ số), có chi tiết đến phân nhóm (06 chữ số), không chi tiết mã số (08 chữ số) thì toàn bộ mã hàng 08 chữ số thuộc phân nhóm đó áp dụng thuế GTGT 10%.

d) Chương (02 chữ số), có chi tiết đến mã HS 08 chữ số thì chi mã hàng 08 chữ số đó áp dụng thuế GTGT 10%.

Ví dụ:

Trường hợp dòng hàng có tên hàng "Plastic dạng nguyên sinh" (cột 8), mã số HS (cột 10) là 39, có chi tiết mã số HS đến nhóm 04 chữ số, từ nhóm 39.01 đến 39.13 và mã số 3914.00.00 thì toàn bộ các mã hàng 08 chữ số thuộc các nhóm từ 39.01 đến 39.13 và mã số 3914.00.00 áp dụng thuế GTGT 10%, các nhóm 04 chữ số còn lại của Chương 39 áp dụng thuế GTGT 8%.

Tổng cục Hải quan thông báo để các Cục Hải quan tỉnh, thành phố biết và thực hiện./. *✓*

Nơi nhận: *✓*

- Như trên;
- Bộ trưởng Hồ Đức Phúc (để b/c);
- Lãnh đạo BTC (để b/c);
- TCT Nguyễn Văn Căn (để b/c);
- Các đồng chí PTCT (để phối hợp chi đạo);
- Vụ CST (BTC) (để phối hợp);
- Vụ Pháp chế (BTC) (để phối hợp);
- Tổng cục Thuế (để phối hợp);
- Các đơn vị thuộc TCHQ;
- Lưu: VT, TXNK, CNTT (03 bản).

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Lưu Mạnh Tường